

CHÍNH SÁCH BẢO TỒN NHÀ VƯỜN TRUYỀN THỐNG HUẾ

Nguyễn Ngọc Tùng*
Hirohide Kobayashi**

1. Tổng quan chung

Nhà vườn truyền thống Huế (NVTTH) là một trong những yếu tố không thể thiếu tạo nên vẻ đẹp “tiềm ẩn” và nét văn hóa đặc trưng của thành phố vườn Huế. Những ngôi nhà này được xây dựng tập trung trong khu vực Kinh Thành và các khu vực làng cổ như Kim Long, Vỹ Dạ, Phú Cát và Thủy Biều. Sự khác biệt về lối sống, tâm thức, tín ngưỡng, luật lệ thời Nguyễn cùng với khí hậu và địa hình Huế đã tạo nên những nét đặc trưng của các NVTTH về sự hình thành, hình thái, tổ chức không gian, và lối sống mà các nhà truyền thống khác ở các vùng miền khác nhau trên đất Việt Nam không thể có.

Cho đến nay, các NVTTH đang dần biến mất hoặc biến dạng thành nhiều hình thái khác nhau dưới tác động của quá trình đô thị hóa, phát triển kinh tế, thiên tai (lũ lụt) và sự gia tăng dân số [10, 11]. Sự suy giảm số lượng và những biến dạng của các NVTTH thực sự là một mất mát lớn không thể bù đắp nổi đối với nền văn hóa kiến trúc Huế. Để ngăn chặn tình trạng này cũng như đưa ra các giải pháp để bảo tồn và phát huy giá trị các NVTTH, các chuyên gia, nhà nghiên cứu, người dân cùng chính quyền cần phối hợp để nghiên cứu một cách toàn diện thông qua nhiều hướng nhìn, phương pháp và cách thức khác nhau. Chính sách bảo tồn được xem là một trong những giải pháp quan trọng đối với công cuộc bảo tồn những ngôi nhà vườn truyền thống này. Đó cũng là phạm vi bài viết này.⁽¹⁾

2. Dự án quản lý và bảo vệ nhà vườn truyền thống Huế

Liên quan đến bảo tồn NVTTH, trước đây đã từng có một số dự án nghiên cứu hợp tác giữa các tổ chức và chính quyền địa phương. Tuy nhiên, những dự án này vẫn có mang tính đơn lẻ. Ví dụ, ngôi nhà vườn tọa lạc tại 73 Lê Thánh Tôn (còn được gọi là Nhà di sản) được trùng tu năm 2006 là một phần của chương trình bảo tồn, trùng tu thông qua sự hợp tác giữa Huế và tổ chức cộng đồng Lille, Pháp (Lille Metropole Urban Community). Ngôi nhà này là nơi để tham quan, học hỏi kinh nghiệm về bảo tồn nhà vườn truyền thống nhưng hiện nay hầu như đóng cửa (hình 1). Một số ngôi nhà khác như ở khu vực Kim Long thì được đưa vào phục vụ du lịch theo thỏa thuận giữa chính quyền địa phương và các chủ nhân.

Nhận thấy được vai trò quan trọng của NVTTH, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã đề xuất chính sách bảo vệ nhà vườn vào năm 2006 (hình 2). Theo đó,

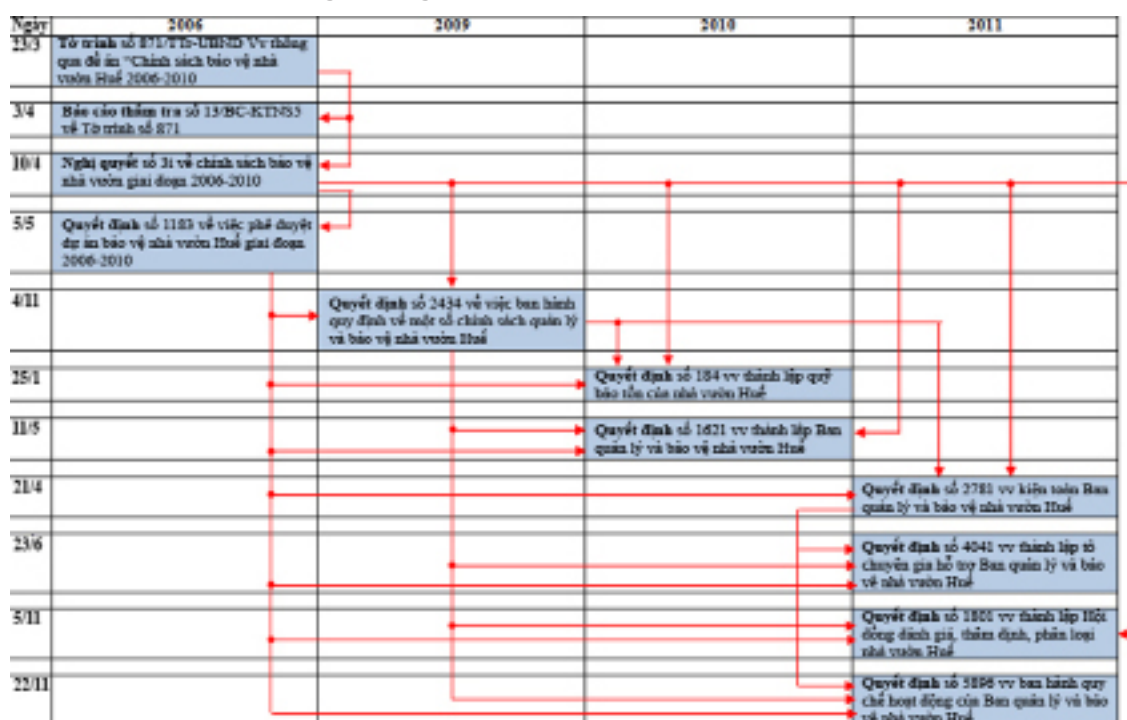
* Khoa Kiến trúc, Trường Đại học Khoa học Huế.

** Xưởng Kiến trúc Môi trường Toàn cầu, Trường Sau đại học Nghiên cứu Môi trường Toàn cầu, Đại học Kyoto, Nhật Bản.



Hình 1. Ngôi nhà vườn tại 73 Lê Thánh Tôn

150 ngôi nhà sẽ được chọn để bảo vệ từ 2006 đến 2010 (dự kiến bảo tồn 30 ngôi nhà mỗi năm). Đó là cơ sở để đề ra chính sách bảo tồn và phát triển NVTTH trong tương lai. Kết quả là Nghị quyết số 3i đã được thông qua bởi Hội đồng Nhân dân tỉnh vào ngày 10/4/2006 [20]. Tuy nhiên, mãi đến 3 năm sau, Quyết định số 2434/2009/QĐ-UBND về việc ban hành quy định một số chính sách quản lý và bảo vệ nhà vườn mới được đưa ra [35]. Theo quyết định này, 150 NVTTH được chọn bảo vệ sẽ được hỗ trợ kinh phí từ Quỹ bảo tồn trên cơ sở thẩm định, đánh giá và phân loại của một Hội đồng. Thực tế thì Quỹ bảo tồn được thành lập sau đó 1 năm vào ngày 25/01/2010 [36], trong khi Hội đồng đánh giá, thẩm định và phân loại nhà vườn thì được thành lập vào tháng 9/2011 [38]. Có thể thấy quá trình từ lúc lập dự án, chọn lọc nhà vườn cần bảo vệ, cho đến ban hành các quyết định cuối cùng quá dài. Giai đoạn thực thi (2006-2010) theo Nghị quyết số 3i đã hết hiệu lực nhưng mọi việc chỉ mới bắt đầu. Tính đến tháng 01/2012 thì danh sách NVTTH đăng ký tham gia dự án chỉ mới ở con số 52. Với khoảng thời gian dài như vậy, nhiều NVTTH đã mất giá trị của nó khi chuyển đổi biến dạng sang nhiều hình thái khác nhau. Theo khảo sát các nhà vườn trong khu vực Kinh Thành thì có ít nhất 7 ngôi nhà đã biến mất trong thời gian trên (hình 3).⁽²⁾



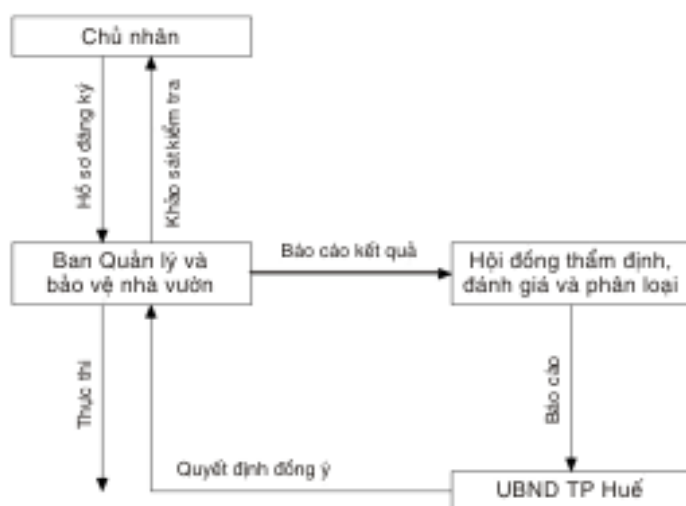
Hình 2. Biểu đồ văn bản pháp luật liên quan dự án bảo vệ nhà vườn Huế.



Ngôi nhà năm 2007

Ngôi nhà năm 2012

Hình 3. Ví dụ biến đổi của một ngôi NVTTH tọa lạc tại số 16 đường Lương Y.



Hình 4. Quá trình đăng ký của dự án quản lý và bảo vệ nhà vườn.

Dựa trên kế hoạch thực hiện của Ban quản lý, thành viên Hội đồng đánh giá, thẩm định và sau đó đưa ra quyết định về việc đồng ý ngôi nhà đó được tham gia dự án hay không. Sau đó, chủ tịch Hội đồng làm báo cáo đánh giá và trình lên UBND thành phố Huế. Cuối cùng, UBND thành phố Huế ban hành quyết định đồng ý đăng ký của chủ nhà vườn và Ban Quản lý có trách nhiệm thực thi.

Quá trình trên nhìn chung hợp lý về mặt pháp lý nhưng nó cũng khá phức tạp. Các chủ nhân nhà vườn phải mất một thời gian dài mới có thể hoàn thành các thủ tục đăng ký. Đó có lẽ là lý do chỉ có 52 ngôi nhà đồng ý tham gia dự án tính đến tháng 01/2012. Thông thường, để dự án thực thi có hiệu quả, chính quyền cần kêu gọi sự tham gia đóng góp của các chuyên gia, kiến trúc sư và các nhà nghiên cứu về nhà vườn. Tuy nhiên, nhìn lại các thành viên trong Ban Quản lý và Hội đồng thì không thấy điều đó. Qua phỏng vấn 42 chuyên gia về tính hiệu quả của dự án, 90% chuyên gia cho rằng việc thực thi của dự án này không hiệu quả hoặc chỉ hiệu quả một phần nào đó.⁽³⁾ Chỉ có 4 chuyên gia cho rằng dự án này là cơ hội cho công cuộc bảo tồn NVTTH.

Hình 4 cho thấy quá trình đăng ký tham gia dự án bảo tồn nhà vườn nói trên. Nếu chủ nhân một ngôi nhà vườn nào đó muốn tham gia dự án, trước tiên họ phải điền mẫu đơn đăng ký và nộp lên Ban Quản lý và bảo vệ nhà vườn. Dựa theo đơn đăng ký, Ban Quản lý này sẽ tổ chức khảo sát ngôi nhà và kiểm tra mẫu đăng ký. Sau đó, Ban Quản lý làm báo cáo trình lên Hội đồng đánh giá, thẩm định, phân loại nhà vườn.

Những thảo luận ở trên cho thấy tình trạng của dự án dưới góc nhìn từ trên xuống dưới (top-down approach), có nghĩa là từ quan điểm của chính quyền. Để có được một cái nhìn toàn diện về dự án này, góc nhìn từ dưới lên trên (bottom-up approach) cũng cần được thảo luận. Sau đây bài viết này sẽ thảo luận về quan điểm và thái độ của các chủ nhân liên quan đến tính hiệu quả của dự án.

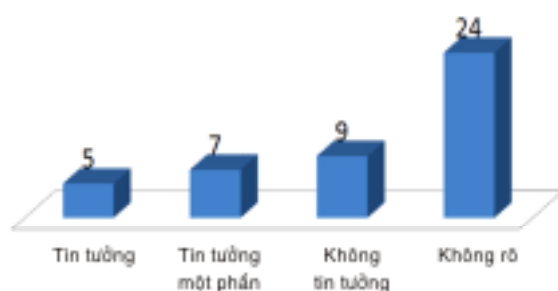
3. Phỏng vấn các chủ nhân nhà vườn tọa lạc trong khu vực Kinh Thành

Qua khảo sát, 24 chủ nhân ngôi nhà trong khu vực Kinh Thành được hỏi và đề nghị tham gia vào danh sách của dự án quản lý và bảo vệ nhà vườn. Tuy nhiên, chủ nhân của 19 nhà đã từ chối hoặc bị loại do không đủ điều kiện (bảng 1). Nguyên nhân chính là các chủ nhân này không muốn dính dáng đến chính quyền (14 nhà). Bên cạnh đó, chủ nhân 2 ngôi nhà khẳng định rằng họ được hỏi tham gia đăng ký và họ đã đồng ý. Nhưng sau đó, nhà của họ không có trong danh sách mà không có bất cứ giải thích nào từ chính quyền.

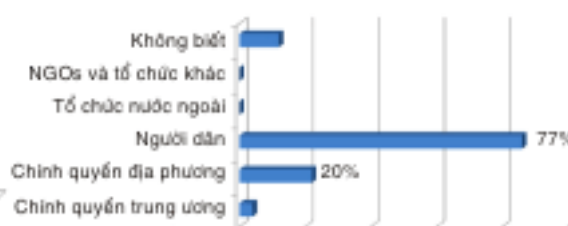
Bảng 1: Nguyên nhân không tham gia dự án quản lý và bảo vệ nhà vườn của 19 NVTTH

Nguyên nhân	Số lượng
Không muốn dính dáng đến chính quyền	14
Tôi muốn tự bản thân gia đình mình bảo tồn ngôi nhà	3
Đồng ý tham gia nhưng không rõ nguyên nhân tại sao không có trong danh sách	2

Liên quan đến tính hiệu quả của dự án, chỉ có 5 chủ nhân tin tưởng vào sự thành công (hình 5). Trong khi đó, hầu hết các chủ nhân (24 người) có thái độ nghi ngờ. Thực tế, một số chủ nhân đầu tiên tin tưởng vào tính hiệu quả của dự án, nhưng sau đó họ cảm thấy mệt mỏi vì phải chờ đợi việc thực thi của chính sách. Khi đề cập đến ai là người đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn nhà vườn, 77% chủ nhân đều khẳng định “người dân” là nhân tố quan trọng nhất (hình 6). Chính quyền địa phương là lựa chọn thứ 2 của 20% chủ nhân được hỏi, và không có ai chọn nhân tố “Tổ chức nước ngoài” và “NGOs và các tổ chức khác”.



Hình 5. Ý kiến chủ nhân về tính hiệu quả của dự án quản lý và bảo vệ nhà vườn.

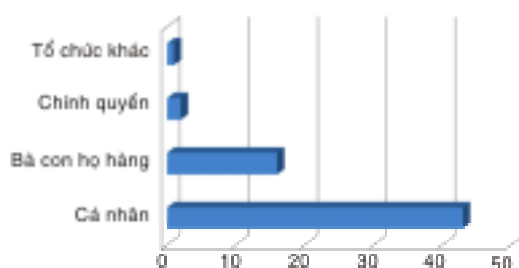


Hình 6. Quan điểm các chủ nhân về việc ai đóng vai trò quan trọng trong bảo tồn nhà vườn.

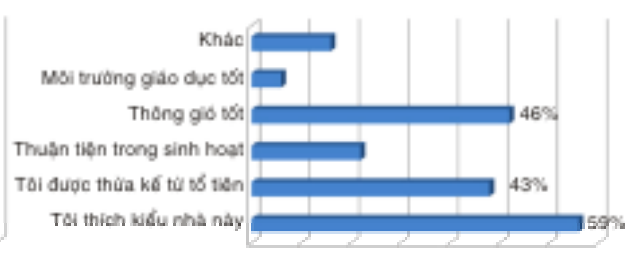
Khi đề cập nguồn kinh phí hiện tại để bảo tồn, 43 chủ nhân khẳng định họ dùng kinh phí của họ cho công việc bảo quản, sửa chữa nhà (hình 7). Bên cạnh đó 16 ngôi nhà khác (chủ yếu là từ đường) thì nhận kinh phí từ bà con

để bảo quản nhà. Có 2 trường hợp được nhận hỗ trợ kinh phí từ chính quyền địa phương.⁽⁴⁾ Riêng chủ nhân NVTTH tọa lạc tại 16/110 Nhật Lệ thì đang chờ kinh phí hỗ trợ từ một tổ chức của Pháp.

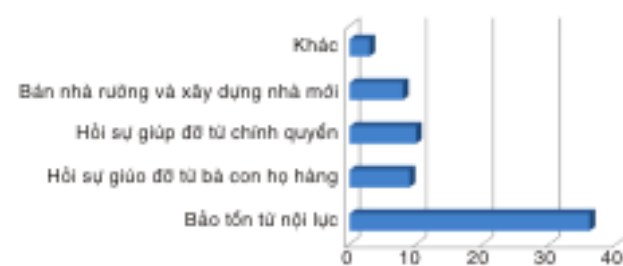
Hình 8 cho biết lý do tại sao các chủ nhân ở trong nhà vườn. 59% chủ nhân được phỏng vấn trả lời rằng họ thích kiểu nhà này cho dù nó có một số điểm bất tiện như thiếu không gian riêng tư và không gian trong nhà khá tối. Bên cạnh đó, cũng có khá nhiều chủ nhân trả lời rằng họ ở nhà vườn là do thừa kế (43%). Thông gió tự nhiên tốt trong nhà (không khí mát mẻ) là một nguyên nhân khác để sống trong nhà vườn (46%). Ngoài ra, chủ nhân 8 ngôi nhà khác đưa ra những lý do khác. Ví dụ, có người nói rằng họ không thích sống trong NVTTH nhưng họ buộc phải sống, vì họ không có đủ tiền để mua hoặc xây ngôi nhà khác.



Hình 7. Nguồn kinh phí để bảo tồn NVTTH.



Hình 8. Lý do các chủ nhân ở trong NVTTH.



Hình 9. Thái độ của các chủ nhân đối với kế hoạch bảo tồn NVTTH trong tương lai.

Đối với kế hoạch bảo tồn nhà trong tương lai, chủ nhân của 36 NVTTH được phỏng vấn khẳng định rằng họ sẽ bảo tồn nhà bằng chính nội lực của gia đình họ (hình 9). Việc đồng ý nhận hỗ trợ kinh phí từ chính quyền và bà con họ hàng là lựa chọn của lần lượt 10 và 9 chủ nhân. Ngoài ra, 8 chủ nhân khác trả lời mong muốn bán hệ cấu trúc ruộng và xây nhà hiện

đại để ở. Nguyên nhân là do sức ép về tài chính để bảo quản hệ ruộng. Hai chủ nhân khác thì trả lời rằng việc bảo tồn nhà trong tương lai sẽ do con cháu họ quyết định. Còn chủ nhân một NVTTH khác (tọa lạc tại 1/14 Đặng Thái Thân) dự định xây tầng 2 và đặt hệ ruộng lên tầng 2 để tránh lũ lụt.

4. Kiến nghị và kết luận

Rõ ràng số phận của các NVTTH nằm trong tay của các chủ nhân, những người đang sống trong những ngôi nhà này. Nếu họ không muốn sống trong NVTTH, họ có thể bán và xây nhà hiện đại mới hoặc họ có thể biến đổi nhà tùy vào trình độ thẩm mỹ của họ. Đó có lẽ là nguyên nhân suy giảm số lượng NVTTH trong những năm gần đây. Thật may mắn khi hầu hết các chủ nhân NVTTH được khảo sát đều có nhận thức bảo tồn và gìn giữ ngôi nhà của họ. Tuy nhiên, nhận thức vẫn chưa đủ để bảo tồn NVTTH. Các chủ nhân không chỉ đóng vai trò như một chủ nhà mà họ cần phải là người bảo vệ và gìn giữ

những giá trị của những NVTTH. Bên cạnh đó, chính quyền cần hiểu vai trò của các chủ nhân như là một nhân tố chủ yếu trong việc bảo tồn nhà vườn. Vì thế, chính quyền không chỉ tạo động lực cho các chủ nhân chủ động gìn giữ ngôi nhà của họ mà còn đưa ra các chính sách và hướng dẫn có hiệu quả để các chủ nhân có những biện pháp bảo tồn hợp lý.

Bảo tồn NVTTH không phải là công việc theo kiểu “vật lý” để biến các ngôi nhà như bảo tàng. NVTTH không chỉ là hình thái kiến trúc độc đáo (giá trị vật thể) mà còn là môi trường sống, nơi diễn ra các hoạt động sống và là nơi phản ánh văn hóa, nếp sống, tín ngưỡng của các thành viên gia đình (giá trị phi vật thể). Vì thế, bảo tồn bền vững NVTTH có nghĩa là bảo tồn cả giá trị vật thể và phi vật thể.

Thông qua dự án quản lý và bảo vệ nhà vườn, chính quyền đã thể hiện sự quan tâm của họ đối với việc bảo tồn những ngôi nhà này. Dự án này thật sự có ý nghĩa vì kết quả của nó là thước đo để khẳng định và định hướng những bước bảo tồn trong tương lai. Tuy nhiên, dự án này thực tế vẫn chưa hiệu quả. Chính vì vậy, bài viết đưa ra một số đề xuất cho công cuộc quản lý bảo tồn các NVTTH, đặc biệt cho chính sách của dự án.

4.1. Chính sách bảo tồn hiệu quả

Trước khi ban hành quy định hay chính sách, chính quyền cần có những bước như chuẩn bị, phân tích, thảo luận và tổng hợp tính khả thi, cũng như những điểm thuận lợi và khó khăn. Những bước này nếu được thực hiện chu đáo thì có thể hy vọng kết quả tốt đẹp của việc thực thi chính sách. Liên quan đến bảo tồn NVTTH, chính quyền không phải là chủ nhân nhà vườn, những người hiểu rất rõ tình trạng ngôi nhà của họ và có thể biết chính xác những ngôi nhà đó cần được bảo tồn và sửa chữa những phần nào. Vì vậy chính quyền cần đưa ra các chính sách mang tính chiến lược và hạn chế can thiệp sâu vào quá trình bảo tồn.

Mặt khác, công cuộc bảo tồn NVTTH cũng không thể đặt lên vai chính quyền một mình. Công cuộc bảo tồn này nên là sự hợp tác chặt chẽ giữa chính quyền, chủ nhân và các tổ chức quan tâm. Chính quyền cần giải thích với các chủ nhân và giúp họ hiểu bảo tồn ngôi nhà họ có nghĩa là gìn giữ nếp sống, niềm tự hào gia tộc. Bên cạnh đó, nhận thức bảo tồn của các chủ nhân cũng cần được nâng cao trong gìn giữ và bảo vệ NVTTH.

4.2. Kiến nghị đối với dự án quản lý và bảo vệ nhà vườn

Như đã nói trên, dự án quản lý và bảo vệ nhà vườn vẫn chưa hiệu quả và việc thực thi gần như chỉ mới bắt đầu. Vì vậy, bài viết này đề xuất một số điều chỉnh liên quan đến dự án này như sau:

- Thủ tục đăng ký tham gia dự án cần đơn giản hơn bởi vì thực tế quá trình này kéo khá dài như đã thấy ở hình 4. Chính vì điều này làm cho không chỉ các chủ nhân mà cả những người liên quan khác cảm thấy mệt mỏi trong việc chờ đợi. Bên cạnh đó, Ban quản lý và bảo vệ nhà vườn và Hội đồng đánh giá, thẩm định và phân loại nhà vườn nên gộp lại thành một tổ chức. Tổ chức này có quyền và trách nhiệm của 2 tổ chức cũ và chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ UBND thành phố Huế.

- Kiến trúc sư, nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa và các chuyên gia cần được mời tham gia một phần nào đó của dự án. Bởi vì các kiến trúc sư và chuyên gia là những người có trình độ và kiến thức chuyên sâu mà phía chính quyền và người dân chưa có. Họ có thể tìm ra giải pháp phù hợp và tư vấn chính quyền và các bên liên quan về những giải pháp nâng cao hiệu quả của dự án.

- Một số điều khoản trong chính sách quản lý và bảo vệ nhà vườn Huế cũng cần chỉnh sửa. Một trong những nguyên nhân mà các chủ nhân nhà vườn từ chối tham gia dự án chính là tính bất hợp lý một số điểm về chính sách trong Quyết định số 2434. Đầu tiên, quyền lợi của các chủ nhân trong quyết định này khá mơ hồ và họ chỉ tìm thấy dấu đó trong một số điều khoản. Điều này làm các chủ nhân cảm giác và tin rằng quyền sở hữu nhà của họ phải chia sẻ với chính quyền nếu họ tham gia dự án. Vì vậy, quyền lợi của các chủ nhân cần được quy định rõ ràng vào một điều trong quyết định.

Thứ hai, kinh phí hỗ trợ bảo tồn cho mỗi nhà tương đối thấp (mỗi nhà không được nhận quá 100 triệu đồng và chỉ được hỗ trợ một lần). Thực tế thì số tiền đó chỉ đủ bảo tồn sửa chữa một số hạng mục nhỏ như thay mái ngói hay gia cố một bộ phận nào đó của cấu trúc gỗ trong nhà.

Thứ ba, cần có quy định về miễn giảm thuế và vay vốn ưu đãi cho chủ nhân NVTTH. Sức ép của thuế đất là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng chia cắt đất trong nhà vườn hiện nay. Nếu có chính sách miễn giảm thuế và cho vay vốn ưu đãi thì đó sẽ là nguồn động lực cho việc bảo vệ NVTTH.

Cuối cùng, quy định đối với hoạt động du lịch trong NVTTH cần cụ thể và chi tiết. Thực tế, việc sử dụng các di sản văn hóa trong dịch vụ du lịch là điều cần thiết và có thể thấy ở mọi miền đất nước Việt Nam như phố cổ Hội An và Hà Nội. Đối với Huế, việc đưa nhà vườn truyền thống vào các tua du lịch sẽ góp phần vào quỹ bảo tồn, đồng thời quảng bá hình ảnh, tôn vinh giá trị như điều 1 Hiến chương Du lịch Văn hóa quốc tế [21] đã đề cập:

“... Khi du lịch bản địa và quốc tế là phương tiện ưu tiên hàng đầu đối với việc trao đổi văn hóa” (*Since domestic and international tourism is among the foremost vehicles for cultural exchange*).

Quy định và hoạt động du lịch trong NVTTH không có nghĩa chỉ là việc đem lại thu thập cho chủ nhân như đề cập ở điều 5 của Quyết định số 2434. Chúng nên bao gồm sự thỏa thuận giữa chủ nhân, chính quyền và công ty du lịch ở nhiều mặt khác nhau như sắp xếp và phân bố hợp lý của mỗi tua du lịch, chính sách về quảng cáo thông tin, quản lý nguồn nhân lực (đào tạo nghiệp vụ du lịch, lễ tân và phục vụ), và tạo ra sự đa dạng trong hoạt động du lịch (ví dụ ẩm thực truyền thống, hình thức ở cùng dân trong NVTTH, tổ chức các cuộc thi và triển lãm tìm hiểu văn hóa nhà vườn).

4.3. Bảo tồn NVTTH dựa vào cộng đồng

Hiện tại có vẻ như chính quyền đang đóng vai trò chính yếu trong công cuộc bảo tồn NVTTH, trong khi các chủ nhân hơi thụ động chờ đợi chính sách và kinh phí hỗ trợ từ dự án này. Như đã đề cập trên, công cuộc bảo tồn cần sự chung tay góp sức của chủ nhân, người dân, chính quyền và các tổ chức khác. Đó cũng chính là mục tiêu của bảo tồn NVTTH dựa vào cộng đồng.



Hình 10. Làng Shirakawa (Ảnh: Chiho Ochiai).

Thực tế thì phương pháp này được áp dụng rộng rãi cho các di sản văn hóa trên thế giới. Bảo tồn nhà truyền thống Gassho ở Shirakawa, quận Gifu, Nhật Bản là một ví dụ điển hình (hình 10). Ngôi làng này tọa lạc ở vùng núi Ogimachi, Shirakawa-go của quận Gifu. Trong làng, kiểu nhà Gassho được gìn giữ từ những năm 1960 cùng với cảnh quan xung quanh làng. Nguyên nhân chính là do người dân có ý thức bảo tồn và gìn giữ các ngôi nhà Gassho của họ

cùng với môi trường thiên nhiên của làng. Toàn bộ dân làng tự thành lập một tổ chức bảo vệ môi trường tự nhiên của Ogimachi và đưa ra mục tiêu và quy định của tổ chức. Nếu một người dân nào muốn cải tạo hoặc sửa chữa nhà, anh ta phải được sự đồng ý của tổ chức này. Ngôi làng này được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới vào năm 1995. Để bảo vệ các giá trị văn hóa của Ogimachi, dân làng đã sử dụng khẩu hiệu “Không bán! Không cho thuê! Không phá hủy!” (*No sell! No rent! No demolish!*). Sau đó thảo luận và ban hành các quy định cụ thể đối với việc bảo vệ. Ví dụ, tổ chức này đưa ra quy định về bảo vệ thiên nhiên (sử dụng màu tối, không được chặt phá rừng, hạn chế xây dựng...), bảo vệ nhà Gassho (nâng cao nhận thức của người dân trong bảo tồn), và bảo vệ phong tục làng.

Có thể thấy sự thành công trong bảo tồn của làng Shirakawa chủ yếu dựa vào dân làng. Dân làng tự đưa ra phương pháp, quy định bảo tồn, và tự thực thi mọi việc. Họ chỉ báo cáo với chính quyền để có sự phê chuẩn pháp lý. Chính quyền hầu như không can thiệp sâu vào quá trình bảo tồn của làng. Họ chỉ đóng vai trò là người bảo vệ di sản dựa trên luật pháp và hỗ trợ kinh phí bảo tồn thông qua đối thoại và thỏa thuận với dân làng.

Đối lập với phương pháp bảo tồn thành công tại Nhật Bản nói chung và làng Shirakawa nói riêng, ở Việt Nam, chính quyền thường can thiệp khá sâu vào dự án bảo tồn. Trong khi đó, người dân phần lớn chưa có khái niệm về phương pháp bảo tồn dựa vào cộng đồng. Ví dụ công cuộc bảo tồn 36 phố cổ Hà Nội vẫn giẫm chân tại chỗ cho dù nó đã được khởi động cách đây 20 năm [6].

Phố cổ Hội An có thể xem là một trong những trường hợp ít ỏi ở Việt Nam thành công trong công cuộc bảo tồn di sản. Lý do chính là trình độ nhận thức cao của người dân địa phương trong việc bảo vệ di sản văn hóa của họ và chính sách hợp lý của chính quyền đối với việc quản lý di sản và ứng dụng du lịch. UBND thành phố Hội An đã ban hành các quy định và chính sách cụ thể, phù hợp cho việc bảo tồn di sản văn hóa cũng như phát triển du lịch [30, 31, 32].

Đặc biệt, một cảm nang bảo tồn được xuất bản và phát cho mỗi người dân trong phố cổ. Người dân thu lợi nhuận từ hoạt động du lịch và nhận thức được tầm quan trọng của du lịch như là “cần câu cơm” của họ. Vì thế, họ đã nâng cao nhận thức trong việc bảo vệ ngôi nhà và di sản của phố cổ.

Mặc dù NVTTH có những đặc trưng khác biệt so với trường hợp của phố cổ Hội An hay nhà Gassho ở Shirakawa, nhưng bài học thành công từ những trường hợp này là tham khảo có ích đối với công cuộc bảo tồn dựa trên cộng đồng của NVTTH. Đối với việc bảo tồn bền vững NVTTH, Hội chủ nhân nhà vườn nên được thành lập. Hội này có những quy định hoạt động và mục tiêu dựa trên sự đồng ý của các thành viên cùng với sự khuyến khích của chính quyền. Các thành viên là các chủ nhân nhà vườn và những người quan tâm đến dự án và đồng ý mục tiêu của hội. Khi một chủ nhân muốn cải tạo sửa chữa nhà, hội có thể đại diện ngôi nhà đó để hướng dẫn, giúp đỡ chuẩn bị hồ sơ cần thiết, và đàm phán thỏa thuận với chính quyền để xin giấy phép. Thêm nữa, nhận thức của các chủ nhân sẽ được nâng cao thông qua các hoạt động của hội. Tất nhiên, nếu một chủ nhân muốn tham gia hội, anh ta cần có trách nhiệm đối với hội như tham gia các hoạt động và cho phép khách du lịch tham quan vào một số thời điểm qua sự sắp xếp của hội.

Ở mặt khác, chính quyền cần đồng ý và khuyến khích sự thành lập và chính sách hoạt động của Hội chủ nhân NVTTH. Chính quyền cần hiểu chỉ có các chủ nhân nhà vườn mới là nguồn nhân lực chính đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị NVTTH. Vì thế, chính quyền không cần thiết can thiệp sâu vào các hoạt động của hội mà chỉ quản lý, định hướng, và bảo vệ NVTTH và hội trên cơ sở các quy định pháp luật liên quan.

N N T - H. Kobayashi

CHÚ THÍCH

- (1) Bài viết này chủ yếu dựa vào kết quả khảo sát 58 NVTTH tọa lạc trong khu vực Kinh Thành tính đến đầu năm 2013.
- (2) Danh sách 7 NVTTH trong khu vực Kinh Thành biến mất và xây mới như sau (tên chủ nhà/dạng nhà/địa chỉ): Nguyễn Minh/1 gian-2 chái/ 42 kiệt 20 Lương Y; Nguyễn Thị Gà/1 gian-2 chái/83 Ông Ích Khiêm; Nguyễn Thị Hương/1 gian-2chái/17 kiệt 71 Nhật Lệ; Nguyễn Đại Cương/1 gian-2 chái/16 Lương Y; Ngô Kim Quế/3 gian-2 chái/9 kiệt 24 Lê Thánh Tôn; Nguyễn Như Danh/3 gian/ đường Lê Huân; và Lê Thị Thu Cúc/3 gian/380 Đinh Tiên Hoàng.
- (3) 42 chuyên gia gồm kiến trúc sư và nhà nghiên cứu văn hóa Huế được phỏng vấn trước và trong Hội thảo chuyên đề “Bảo tồn bền vững và ứng dụng vào cuộc sống đương đại các nhà vườn truyền thống Huế trong khu vực Kinh Thành: Nghiên cứu về sự chuyển đổi và môi trường sống”, tổ chức vào tháng 3/2011.
- (4) Hai ngôi nhà được hỗ trợ là nhà vườn ở 120 Mai Thúc Loan (đang là nơi thờ Liệt sĩ Đặng Thùy Trâm) và ngôi nhà tại 177 đường Xuân 68 (chủ nhân không có đủ kinh phí nên được chính quyền hỗ trợ 1,2 triệu đồng để thay mái vào năm 2009. Tuy nhiên, hiện ngôi nhà này đã được tháo dỡ).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách, bài báo

1. Construction Publishing House (1999), *Preserving Hanoi's Architectural and Landscape Heritage*, Hanoi.

2. Hải Châu (2004), “Người dân Hội An giữ gìn phố cổ (Ancient Town Presevation of Hoi An People)”, Link: <http://vietbao.vn/Van-hoa/Nguoi-dan-Hoi-An-giu-gin-pho-co/20230364/181/>, truy cập ngày 08/10/2014.
 3. Hoàng Đạo Kính (2002), *Di sản văn hóa bảo tồn và trùng tu*, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
 4. Hoi An Center for Monuments Management and Preservation (2008), “Heritage Homeowner’s Preservation Manual”, <http://unesdoc.unesco.org/images/0019/001930/193014m.pdf>, truy cập ngày 31/5/ 2012.
 5. Hội Kiến trúc sư Việt Nam, UBND thành phố Huế, Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế (2003), *Hội nghị chuyên gia đánh giá quỹ kiến trúc đô thị Huế*. Kỷ yếu lưu hành nội bộ.
 6. Linh Thủy (2009), “Bảo tồn phố cổ: không thể cứ trông chờ chính quyền”, <http://ashui.com/mag/index.php/tuongtac/phanbien/55-phanbien/839-bao-ton-pho-co-khong-the-cu-trong-cho-chinh-quyen.html>, truy cập ngày 08/10/2014.
 7. N. T. Nguyen & H. Kobayashi (2014), “Spatial transformation of traditional garden houses in Hue Citadel, Vietnam”, *Proceedings of International Conference on Vernacular Heritage, Sustainability and Earthen Architecture VerSus2014*, ISBN: 978-1-138-02682-7, pp. 543-549, Valencia.
 8. Nguyễn Hữu Thông (2001), *Nghiên cứu và bảo tồn hợp lý nhà vườn truyền thống Huế*, Trường Đại học Khoa học Huế. Đề tài nghiên cứu khoa học.
 9. Nguyễn Hữu Thông (2008), *Nhà vườn xứ Huế*, Nxb Văn nghệ, TP Hồ Chí Minh.
 10. Nguyễn Ngọc Tùng (2010), “Nhà vườn truyền thống Huế - nguồn ngang những biến dạng”, tạp chí *Kiến trúc*, số 5, tr. 46-51, Hà Nội.
 11. Nguyễn Ngọc Tùng, Hirohide Kobayashi (2014), “Sự chuyển đổi không gian nhà vườn truyền thống tọa lạc trong khu vực Kinh Thành Huế”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 1 (108). 2014, tr. 60-69, Huế.
 12. Nobu, K. (2010), *Conservation of Cultural Landscape in Shirakawa-go*, The Japanese - Germany Colloquium - “World Heritage for Tomorrow: What, How and for Whom”. Berlin, Brandenburgische Technische Universität (BTU), BTU Cottbus, German.
 13. The National Committee for the International Symposium on the Ancient Town of Hoi An (1990), *The Proceedings of Ancient Town of Hoi An*, Thế giới Publishers, Danang.
 14. Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa (2003), *Kiến trúc phố cổ Hội An*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
 15. Võ Thanh Tân (2009), “Du lịch bền vững, di sản và nghèo khó - Đề xuất mô hình quản lý trong việc khai thác du lịch nhà vườn truyền thống Huế”, tạp chí *Huế xưa và nay*, số 95, tr. 63-71; số 96, tr. 63-77.
- Văn bản pháp luật**
17. Chính phủ (2002). *Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản*. Số 92/2002/NĐ-CP.
 18. Chính phủ (2010). *Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa*. Số 98/2010/NĐ-CP.
 19. Hội đồng Nhà nước (1984). *Pháp lệnh Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh*. Không số.
 20. Hội đồng Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2006). *Nghị quyết về chính sách bảo vệ nhà vườn giai đoạn 2006-2010*. Số 3i/2006/NQBT-HĐND5.
 21. International Council on Monuments and Sites (1999). *International Cultural Tourism Charter, Managing Tourism at Places of Heritage Significance*, 1999.
 22. Prime Minister of Vietnamese Government (1999). *Decision of the Prime Minister for ratifying the amendment of the overall planning of Hue city up to 2020*. No. 166/1999/QĐ-TTg.
 23. Quốc hội (2001). *Luật Di sản văn hóa*. Số 28/2001/QH.
 24. Quốc hội (2009). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa*. Số 32/2009/QH12.

25. Thủ tướng Chính phủ (2009). *Quyết định phê duyệt tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020*. Số 86/2009/QĐ-TTg.
26. Ủy ban Nhân dân thành phố Huế (2011a). *Kế hoạch triển khai thực hiện “Quy định về một số chính sách quản lý và bảo vệ nhà vườn Huế”*. Số 2222/KH-UBND.
27. Ủy ban Nhân dân thành phố Huế (2011b). *Quyết định về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban quản lý và bảo vệ nhà vườn Huế*. Số 5896/QĐ-UBND.
28. Ủy ban Nhân dân thành phố Huế (2011c). *Quyết định về việc kiện toàn Ban quản lý và bảo vệ nhà vườn Huế*. Số 2781/QĐ-UBND.
29. Ủy ban Nhân dân thành phố Huế (2011d). *Quyết định về việc thành lập Tổ chuyên viên giúp việc Ban quản lý và bảo vệ nhà vườn Huế*. Số 4041/QĐ-UBND.
30. Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An (2008). *Quyết định ban hành Cơ chế quản lý việc hỗ trợ tu bổ các di tích sở hữu tư nhân - tập thể*. Số 1912/QĐ-UBND.
31. Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An (2013). *Quyết định điều chỉnh, bổ sung Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích Khu phố cổ Hội An*. Số 03/2013/QĐ-UBND.
32. Ủy ban Nhân dân thị xã Hội An (2006). *Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích Khu phố cổ Hội An*. <http://hoianheritage.net/vi/vanban-dp/>, truy cập ngày 09/10/2014.
33. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (1999a). *Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu Kinh Thành Huế, thành phố Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế*. Số 2317/QĐ-UB.
34. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (1999b). *Quyết định V/v ban hành xây dựng theo đồ án Quy hoạch chi tiết khu Kinh Thành Huế, thành phố Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế*. Số 2318/QĐ-UB.
35. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2009). *Quyết định về việc ban hành quy định về một số chính sách quản lý và bảo vệ nhà vườn Huế*. Số 2434/2009/QĐ-UBND.
36. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2010a). *Quyết định về việc thành lập Quỹ bảo tồn nhà vườn Huế*. Số 184/QĐ-UBND.
37. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2010b). *Quyết định V/v quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế*. Số 2062/QĐ-UBND.
38. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2011). *Quyết định về việc thành lập Hội đồng đánh giá, thẩm định, phân loại nhà vườn Huế*. Số 1801/QĐ-UBND.

TÓM TẮT

Nhận thức vai trò quan trọng của NVTTH (nhà vườn truyền thống Huế), dự án bảo vệ và quản lý nhà vườn giai đoạn 2006-2010 đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đề xuất từ 2006. Tuy nhiên, đến năm 2012, dự án này gần như chỉ mới bắt đầu và chưa được thực thi. Mặt khác, kết quả khảo sát và phỏng vấn các chủ nhân NVTTH cho thấy dự án vẫn còn có một số bất cập khác như thủ tục, chế độ hỗ trợ và nội dung chính sách. Cuối cùng, bài viết này đưa ra 3 đề xuất cho công cuộc quản lý bảo tồn các NVTTH, đặc biệt là cho dự án bảo vệ và quản lý nhà vườn nói trên.

ABSTRACT

POLICY OF CONSERVING HUẾ TRADITIONAL GARDEN HOUSES

Being aware of the important role of Huế traditional garden houses, in 2006 the People's Committee of Thừa Thiên Huế Province proposed a project of protecting and managing Huế garden houses in the 2006-2010 period. However, it was not until 2012 that the project almost started and the implementation has not carried out yet. On the other hand, survey results and interviews with owners of traditional garden houses showed that there were some problems arising from the project such as procedure, regulations of assistance and policy contents. Finally, the author puts forward three suggestions for the task of managing and conserving Huế traditional garden houses, especially for the project mentioned above.